



Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

Giấy chứng nhận
Đăng ký doanh nghiệp số 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019.

Hội Đồng Quản Trị

Ông Nguyễn Văn Lê	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Lâm	Thành viên
Ông Trương Quốc Phúc	Thành viên
Ông Đỗ Mộng Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

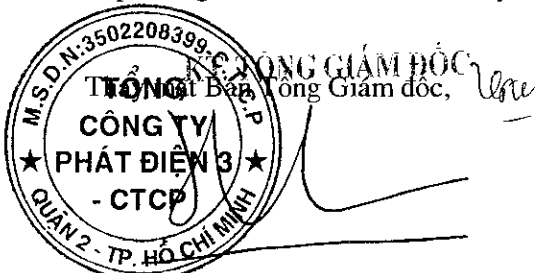
Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm này.



Nguyễn Thị Thanh Hương
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi Các cổ đông Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCĐN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị quyết 150, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề khác

- Chúng tôi tiến hành soát xét nhằm mục đích đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 55. Thông tin bổ sung tại trang 56 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và không nằm trong phạm vi của cuộc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, do đó chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét về thông tin này.
- Chúng tôi muốn lưu ý rằng chúng tôi không kiểm toán hay soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán hay kết luận soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo Soát xét số: 19-01-00317-19-2



Auvarin Phoi
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2019

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.599.130.263.846	18.376.946.046.690
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.118.534.841.667	2.492.402.081.429
Tiền	111		1.455.534.841.667	1.416.502.081.429
Các khoản tương đương tiền	112		1.663.000.000.000	1.075.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.618.650.000.000	3.953.820.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	3.618.650.000.000	3.953.820.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		10.573.806.626.246	8.959.930.572.719
Phải thu của khách hàng	131	7	9.766.364.139.490	8.411.364.732.038
Trả trước cho người bán	132		249.891.216.694	128.818.263.821
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	558.403.111.215	420.599.418.013
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(851.841.153)	(851.841.153)
Hàng tồn kho	140	9	2.223.715.806.728	2.903.548.394.905
Hàng tồn kho	141		2.224.001.413.671	2.903.834.001.848
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(285.606.943)	(285.606.943)
Tài sản ngắn hạn khác	150		64.422.989.205	67.244.997.637
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.935.515.731	32.402.999.301
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		45.405.690.000	32.581.406.696
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	3.081.783.474	2.260.591.640

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		58.013.901.663.970	59.069.268.847.647
Phải thu dài hạn	210		3.429.424.000	3.549.424.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.429.424.000	3.549.424.000
Tài sản cố định	220		52.408.019.094.968	53.856.992.760.491
Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.315.683.642.707	53.769.066.685.575
Nguyên giá	222		110.747.765.249.178	109.876.984.867.644
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.432.081.606.471)	(56.107.918.182.069)
Tài sản cố định vô hình	227	11	92.335.452.261	87.926.074.916
Nguyên giá	228		116.537.682.746	109.661.849.291
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.202.230.485)	(21.735.774.375)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.573.178.209.063	2.670.721.176.014
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.573.178.209.063	2.670.721.176.014
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.957.391.334.856	1.908.187.930.769
Đầu tư vào công ty liên kết	252		1.425.632.815.068	1.385.352.444.441
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		536.837.181.388	536.837.181.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.078.661.600)	(14.001.695.060)
Tài sản dài hạn khác	260		1.071.883.601.083	629.817.556.373
Chi phí trả trước dài hạn	261		104.572.822.810	120.706.619.611
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		554.595.380	26.606.710.591
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		966.756.182.893	482.504.226.171
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77.613.031.927.816	77.446.214.894.337

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		66.861.191.225.140	67.353.569.009.650
Nợ ngắn hạn	310		13.081.818.268.134	11.303.469.857.347
Phải trả người bán	311	13	4.937.175.745.187	3.864.809.168.154
Người mua trả tiền trước	312		103.636.000	103.636.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	153.889.375.050	328.547.327.437
Phải trả người lao động	314		58.350.623.577	102.294.632.728
Chi phí phải trả	315	15	2.053.985.358.822	52.102.756.457
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.973.740.611	15.944.744.132
Phải trả khác	319	16	375.629.834.659	1.077.798.480.696
Vay ngắn hạn	320	17(a)	5.261.244.217.599	5.473.408.154.411
Dự phòng ngắn hạn	321		2.772.976.898	133.033.552.953
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		222.692.759.731	255.427.404.379
Nợ dài hạn	330		53.779.372.957.006	56.050.099.152.303
Doanh thu chưa thực hiện	336		371.376.258.597	378.955.365.915
Vay dài hạn	338	17(b)	53.407.996.698.409	55.671.143.786.388
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.751.840.702.676	10.092.645.884.687
Vốn chủ sở hữu	410	18	10.751.840.702.676	10.092.645.884.687
Vốn cổ phần	411	19	10.699.695.770.000	10.699.695.770.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.014.917.945	6.014.917.945
Vốn khác của chủ sở hữu	414		44.097.780.907	18.876.854.562
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	20	(823.866.730.128)	(1.098.488.973.504)
Quỹ đầu tư phát triển	418		143.213.001.707	134.210.488.996
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		15.868.253.443	15.939.926.044
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		331.494.290.347	(20.046.414.799)
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(68.180.500.348)	853.491.634.889
- LNST/(lỗ) chưa phân phối kỳ này	421b		399.674.790.695	(873.538.049.688)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		335.323.418.455	336.443.315.443
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		77.613.031.927.816	77.446.214.894.337

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:

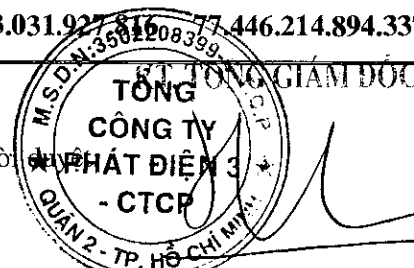


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	22.380.464.421.822	20.328.684.994.582
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	19.809.276.983.448	17.448.922.449.820
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		2.571.187.438.374	2.879.762.544.762
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	164.047.946.026	221.984.026.851
Chi phí tài chính	22	26	2.069.223.139.937	2.369.719.347.161
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.413.918.015.852</i>	<i>1.242.072.547.938</i>
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	6(b)	75.005.370.627	-
Chi phí bán hàng	25		66.402.938	70.722.920
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	195.300.823.774	165.475.513.548
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		545.650.388.378	566.480.987.984
Thu nhập khác	31		9.839.009.148	35.686.149.886
Chi phí khác	32		20.329.293.209	50.026.842.155
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(10.490.284.061)	(14.340.692.269)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		535.160.104.317	552.140.295.715
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	94.619.885.868	96.296.060.986
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	26.052.115.211	13.879.964.174
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		414.488.103.238	441.964.270.555

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		414.488.103.238	441.964.270.555
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		399.674.790.695	416.321.040.207
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.813.312.543	25.643.230.348
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	374	Không áp dụng

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - Kế toán



Người Giám Đốc:



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		535.160.104.317	552.140.295.715
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		2.326.629.880.512	2.321.985.522.297
Các khoản dự phòng	03		(21.971.621.812)	(30.194.838.431)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		645.940.893.875	1.117.929.633.668
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(147.206.314.283)	(270.532.324.255)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(75.005.370.627)	-
Chi phí lãi vay	06		1.413.918.015.852	1.242.072.547.938
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.677.465.587.834	4.933.400.836.932
Biến động các khoản phải thu	09		(5.091.235.469.236)	(4.490.712.228.539)
Biến động hàng tồn kho	10		166.488.143.136	(225.163.735.457)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.530.661.228.923	(678.841.504.607)
Biến động chi phí trả trước	12		32.601.280.371	(3.374.577.433)
			1.315.980.771.028	(464.691.209.104)
Tiền lãi vay đã trả	14		(207.920.127.998)	(6.409.429.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(166.114.388.599)	(110.505.751.728)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	83.800.099.728
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(52.375.590.373)	(146.755.135.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		889.570.664.058	(644.561.426.212)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(187.720.574.501)	(2.026.989.176.193)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	303.904.617
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(656.150.000.000)	(1.471.320.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		991.320.000.000	1.425.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		186.697.436.042	237.032.781.373
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		334.146.861.541	(1.835.472.490.203)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		146.063.211.177	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(734.747.386.616)	(423.777.986.027)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36		(8.904.543.700)	(60.154.017.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(597.588.719.139)	(483.932.003.027)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		626.128.806.460	(2.963.965.919.442)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		2.492.402.081.429	4.889.503.224.142
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.953.778	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	3.118.534.841.667	1.925.537.304.700

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:

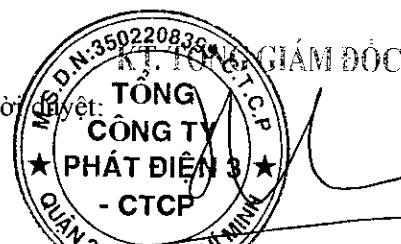


Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu

Người ký:



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính - kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Theo Quyết định số 9494/QĐ-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2014, Bộ Công Thương quyết định cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng Công ty Phát điện 3.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty Mẹ-Tổng công ty Phát điện 3.

Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 2 tháng 1 năm 2019. Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần bắt đầu hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2018.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty có 2 công ty con (1/1/2019: 2 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình; và
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		30/6/2019	1/1/2019
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Nhóm Công ty có 2.739 nhân viên (1/1/2019: 3.439 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CDKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”).

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 150/2018/NQ-CP của Chính phủ ngày 13 tháng 12 năm 2018 (“Nghị quyết 150”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động. Hướng dẫn của Nghị quyết 150 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ tăng cùng một khoản là 274.622.243.376 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: chi phí tài chính sẽ giảm và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng cùng một khoản là 171.816.088.160 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 823.866.730.128 VND (1/1/2019: lần lượt tăng và giảm cùng một khoản là 1.098.488.973.504 VND).

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 sẽ không thay đổi (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: lần lượt giảm và tăng 254.014.513.871 VND).

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Nhóm Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính khi Nhà nước không còn sở hữu 100% Tổng Công ty. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

(s) Lãi trên cổ phiếu (EPS)

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong kỳ Nhóm Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 và ngày 30 tháng 6 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	6.188.665.046	2.912.617.687
Tiền gửi ngân hàng	1.449.346.176.621	1.413.589.463.742
Các khoản tương đương tiền	1.663.000.000.000	1.075.900.000.000
	3.118.534.841.667	2.492.402.081.429

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,6% - 5,5% một năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 4,7% - 5,5% một năm).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 13 tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 5,3% - 7,1% một năm (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 5,3% - 7,2% một năm).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.385.352.444.441	1.341.623.914.594
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	75.005.370.627	-
Chia cổ tức	(34.725.000.000)	-
	1.425.632.815.068	1.341.623.914.594

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		% sở hữu	30/6/2019			% sở hữu	1/1/2019		
			Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần									
Thủy điện Thác Bà	(i)	30,00%	300.798.952.538	489.585.000.000	-	30,00%	279.877.226.103	476.250.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần									
Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(ii)	30,55%	962.461.368.634	1.128.003.369.200	-	30,55%	928.345.577.277	1.055.533.879.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(iii)	30,00%	162.372.493.896	(*)	-	30,00%	177.129.641.061	(*)	-
			<hr/>			<hr/>			
			1.425.632.815.068				1.385.352.444.441		
			<hr/>			<hr/>			

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng tài sản	10.262.689.245.229	9.913.782.260.407
Tổng công nợ	5.717.214.092.952	5.480.917.796.001
Tài sản thuần	4.545.475.152.277	4.432.864.464.406
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.425.632.815.068	1.385.352.444.441
<hr/>		
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Doanh thu	548.397.755.675	742.870.435.100
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	247.970.582.371	418.327.818.071
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	75.005.370.627	-

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2019				1/1/2019			
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác								
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	83.022.592.000	190.155.264.000	-	2,50%	83.022.592.000	175.199.232.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,63%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	1,80%	114.770.927.800	109.692.266.200	5.078.661.600	1,80%	114.770.927.800	109.899.232.740	4.871.695.060
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	1,60%	108.730.000.000	125.000.000.000	-	1,60%	108.730.000.000	99.600.000.000	9.130.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	83.750.000.000	176.804.625.000	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	6,44%	50.000.000.000	(*)	-	6,44%	50.000.000.000	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,70%	2.500.000.000	(*)	-	2,70%	2.500.000.000	(*)	-
		536.837.181.388		5.078.661.600		536.837.181.388		14.001.695.060

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.001.695.060	29.914.646.400
Hoàn nhập	(8.923.033.460)	(26.431.382.520)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.078.661.600	3.483.263.880
	<hr/>	<hr/>

7. Phải thu của khách hàng

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	9.594.414.715.682	8.304.276.576.025
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	67.563.420.731	35.093.793.900
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	96.061.352.193	54.824.844.800
Các bên liên quan khác	1.662.689.173	82.140.145
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	6.661.961.711	17.087.377.168
	<hr/>	<hr/>
	9.766.364.139.490	8.411.364.732.038
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	15.265.814.239	15.256.171.287
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng	301.445.779.050	253.952.245.056
Cổ tức được chia	46.666.090.000	52.984.728.000
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.307.578.223	10.307.578.223
Bên liên quan khác	8.352.311.059	7.468.387.981
Bên thứ ba		
Lãi tiền gửi phải thu	47.417.533.673	45.865.017.432
Ký quỹ (*)	74.759.358.459	6.767.358.459
Phải thu khác	54.188.646.512	27.997.931.575
	558.403.111.215	420.599.418.013

(*) Khoản ký quỹ chủ yếu liên quan đến việc ký quỹ nhằm mở thư tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Hai Bà Trưng theo Phụ lục Hợp đồng mua vật tư sửa chữa lớn của nhà máy Nhiệt điện Phú Mỹ với số tiền là 65 tỷ VND.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	29.767.439.430	-	2.289.837.243	-
Nguyên vật liệu	2.018.871.365.285	(285.606.943)	2.813.283.077.995	(285.606.943)
Công cụ và dụng cụ	94.270.194.509	-	83.063.188.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	80.559.766.693	-	4.565.535.210	-
Thành phẩm	532.647.754	-	632.363.003	-
	2.224.001.413.671	(285.606.943)	2.903.834.001.848	(285.606.943)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	285.606.943	936.690.056
Tăng dự phòng trong kỳ	-	51.574.662
Số dư cuối kỳ	285.606.943	988.264.718

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	18.474.722.817.181	84.671.035.088.552	6.578.031.416.896	152.142.526.589	1.053.018.426	109.876.984.867.644
Tăng trong kỳ	259.746.535	15.775.257.859	-	19.304.544.620	-	35.339.549.014
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	120.073.458.444	651.177.627.939	55.791.574.409	8.398.171.728	-	835.440.832.520
Số dư cuối kỳ	18.595.056.022.160	85.337.987.974.350	6.633.822.991.305	179.845.242.937	1.053.018.426	110.747.765.249.178
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.142.050.161.930	46.886.125.914.380	2.965.621.320.043	113.106.071.421	1.014.714.295	56.107.918.182.069
Khấu hao trong kỳ	316.781.557.021	1.847.342.335.911	151.040.856.880	8.987.195.962	11.478.628	2.324.163.424.402
Số dư cuối kỳ	6.458.831.718.951	48.733.468.250.291	3.116.662.176.923	122.093.267.383	1.026.192.923	58.432.081.606.471
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	12.332.672.655.251	37.784.909.174.172	3.612.410.096.853	39.036.455.168	38.304.131	53.769.066.685.575
Số dư cuối kỳ	12.136.224.303.209	36.604.519.724.059	3.517.160.814.382	57.751.975.554	26.825.503	52.315.683.642.707

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 29.289 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 32.628 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 25.024 tỷ VND (1/1/2019: 1.857 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 17(b)).

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	76.165.829.664	16.179.748.658	4.025.390.148	13.290.880.821	109.661.849.291
Tăng trong kỳ	-	404.545.455	1.582.800.000	330.000.000	2.317.345.455
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 12)	-	4.558.488.000	-	-	4.558.488.000
	76.165.829.664	21.142.782.113	5.608.190.148	13.620.880.821	116.537.682.746
Khấu hao trong kỳ					
Số dư đầu kỳ	12.480.231.285	5.408.477.078	3.810.571.101	36.494.911	21.735.774.375
Khấu hao trong kỳ	580.758.726	1.091.661.573	123.258.438	670.777.373	2.466.456.110
Số dư cuối kỳ	13.060.990.011	6.500.138.651	3.933.829.539	707.272.284	24.202.230.485
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	63.685.598.379	10.771.271.580	214.819.047	13.254.385.910	87.926.074.916
Số dư cuối kỳ	63.104.839.653	14.642.643.462	1.674.360.609	12.913.608.537	92.335.452.261

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8 tỷ VND (1/1/2019: 8 tỷ VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 8 tỷ VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.670.721.176.014	3.787.791.939.575
Tăng trong kỳ	846.884.657.878	159.771.198.647
Chi phí lãi vay vốn hóa	13.047.849.011	9.508.626.289
Chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	-	(261.302.670.160)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(835.440.832.520)	(77.407.937.315)
Giảm do quyết toán	(117.211.987.703)	(245.921.523.024)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 11)	(4.558.488.000)	-
Giảm khác	(264.165.617)	(178.713.983.984)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.573.178.209.063	3.193.725.650.028

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương 1	1.221.295.137.450	1.221.295.137.450
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	149.855.294.499	148.924.891.353
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	721.947.462.959	676.106.948.237
Cảng than Vĩnh Tân	385.190.585.119	383.746.615.607
Nhà máy Nhiệt điện Bà Rịa	-	132.043.939.157
Điện mặt trời Vĩnh Tân 2	352.911.815	8.066.079.120
Khác	94.536.817.221	100.537.565.090
	<hr/>	<hr/>
	2.573.178.209.063	2.670.721.176.014

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	24.248.316.659	1.311.294.219
Các bên liên quan khác	8.307.638.306	17.075.702.451
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	2.882.313.975.946	2.549.808.266.172
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	598.797.000.535	441.556.254.530
Các nhà cung cấp khác	1.423.508.813.741	855.057.650.782
	<hr/>	<hr/>
	4.937.175.745.187	3.864.809.168.154
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	4.937.175.745.187	3.864.809.168.154

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước****(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	93.048.397.297	569.747.840.520	(627.270.471.518)	455.855.106	35.981.621.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.774.754.846	94.619.885.868	(166.114.388.599)	6.941.876.214	71.222.128.329
Thuế nhà thầu	9.874.077.902	7.177.916.006	(16.120.048.606)	-	931.945.302
Thuế xuất nhập khẩu	-	5.773.931.335	(6.922.585.396)	1.148.654.061	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.767.974.005	11.860.928.112	(14.748.731.778)	(1.484.947.067)	1.395.223.272
Thuế tài nguyên	40.920.182.673	174.032.086.463	(186.377.891.244)	(9.589.892)	28.564.788.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.369.383.918	(8.369.383.918)	-	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	43.161.940.714	62.923.975.088	(90.292.247.060)	-	15.793.668.742
Các loại thuế khác	-	8.257.592.654	(2.022.056.466)	(6.235.536.188)	-
	328.547.327.437	942.763.539.964	(1.118.237.804.585)	816.312.234	153.889.375.050

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã thu trong kỳ VND	Phân loại lại VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.879.600	-	629.265.641	634.145.241
Thuế thu nhập cá nhân	2.250.952.123	-	-	(1.407.872.682)	843.079.441
Thuế tài nguyên	9.589.892	-	-	(9.589.892)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	1.148.654.061	1.148.654.061
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	455.855.106	455.855.106
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	49.625	-	-	-	49.625
	2.260.591.640	4.879.600	-	816.312.234	3.081.783.474

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Lãi vay, thuê nhà thầu phải trả	819.837.453.197	39.927.013.549
Phải trả nhà thầu	604.786.662.734	7.411.375.929
Sửa chữa lớn	564.781.037.798	-
Chi phí khác	64.580.205.093	4.764.366.979
	<hr/>	<hr/>
	2.053.985.358.822	52.102.756.457
	<hr/>	<hr/>

16. Phải trả khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	220.999.102.306	156.962.849.626
Cổ tức phải trả	16.784.713.704	15.434.193.904
Gốc, lãi vay, phí vay lại, thuê nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	14.997.424.948	-
Lãi vay, phí vay lại, thuê nhà thầu phải trả	-	779.189.436.755
Phải trả từ bán cổ phần	152.499.616	152.499.616
Chi phí chuyên gia	-	14.680.695.065
Phải trả khác	122.696.094.085	111.378.805.730
	<hr/>	<hr/>
	375.629.834.659	1.077.798.480.696
	<hr/>	<hr/>

Chi tiết các khoản phải trả khác cho bên liên quan như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	17.323.604.155	779.932.815.962
Các bên liên quan khác	115.058.224.038	116.070.726.297
	<hr/>	<hr/>
	132.381.828.193	896.003.542.259
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 VND	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn	-	97.000.000.000	(97.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	5.473.408.154.411	2.657.876.135.607	(2.892.306.187.218)	22.266.114.799	5.261.244.217.599
	5.473.408.154.411	2.754.876.135.607	(2.989.306.187.218)	22.266.114.799	5.261.244.217.599

(b) Vay dài hạn

	1/1/2019 VND	Biến động trong kỳ		Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2019 VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn	55.671.143.786.388	49.063.211.177	(2.657.876.135.607)	345.665.836.451	53.407.996.698.409

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	95.666.572.228	103.604.510.566
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	1.692.000.000.000	1.974.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.404.347.162.400	1.516.694.935.392
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	230.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hai Bà Trưng	VND	2021	55.161.118.612	70.905.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	46.036.364.311	92.068.364.311
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	-	110.684.549.761
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hà thành	VND	2026	256.962.025.837	258.153.558.834
<i>Dự án Điện Mặt trời Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội (**)	VND	2031	31.336.884.320	-
			3.811.510.127.708	4.376.111.037.476

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương 1</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á (***)	USD	2032	438.278.147.335	444.445.836.309
Ngân hàng Phát triển Châu Á (***)	USD	2034	19.037.340.310.860	19.206.808.016.325
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc (***)	USD	2028	8.564.557.601.525	8.999.713.746.007
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	5.954.047.489.653	6.275.936.541.397
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.610.234.632.521	1.688.212.359.504
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	14.058.013.102.661	14.731.365.464.567
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	86.415.257.721	89.444.501.596
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	65.743.098.861	67.338.860.225
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	55.341.616.912	73.457.010.088
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	-	27.989.680.391
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	117.618.700.091	156.119.724.974
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.423.448.082.690	4.530.817.037.415
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	446.692.747.470	476.792.124.525
			54.857.730.788.300	56.768.440.903.323
			58.669.240.916.008	61.144.551.940.799
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.261.244.217.599	5.473.408.154.411

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lãi suất năm thực tế trong kỳ của các khoản vay như sau:

- Các khoản vay USD từ 3,49% đến 6,56% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 2,01% đến 6,17%).
 - Các khoản vay VND từ 8,98% đến 9,86% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 8,98% đến 10,03%).
 - Các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 0,95% đến 2,75%).
 - Các khoản vay CNY là 3,40% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 3,40%).
 - Các khoản vay KRW là 2,40% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.
- (*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 1.821 tỷ VND (1/1/2019: 1.857 tỷ VND).
- (**) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội được đảm bảo bằng nhà máy điện mặt trời Vĩnh Tân 2 có giá trị còn lại là 657 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.
- (***) Khoản vay từ Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc, Ngân hàng Phát triển Châu Á được đảm bảo bằng giá trị của nhà máy Nhiệt điện Mông Dương có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 22.546 tỷ VND (1/1/2019: không).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng Thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu trư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(2.449.196.948.778)	291.205.621.444	15.939.926.044	881.358.003.376	114.101.515.647	352.757.549.993	9.790.398.516.594
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	(3.327.218.134)	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	(94.925.424.397)	-	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	-	(3.508.088.045)	-	(121.540.842.227)
Phân loại lại	-	-	916.784.453	-	(916.784.453)	-	-	-	-	-
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	17.219.774.975	-	(17.219.774.975)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(15.930.778.344)	-	(6.772.643.995)	(22.703.422.339)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	416.321.040.207	-	25.643.230.348	441.964.270.555
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	425.830.602.031	-	-	-	-	-	425.830.602.031
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.093.805.939)	(21.093.805.939)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	285.350.110	-	-	-	-	285.350.110
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	10.463.692.052.194	6.014.917.945	15.623.533.093	(2.023.366.346.747)	286.253.119.849	15.939.926.044	1.264.528.490.264	110.593.427.602	350.534.330.407	10.489.813.450.651

(*) Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng Công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2018	10.463.692.052.194	6.014.917.945	15.623.533.093	(2.023.366.346.747)	286.253.119.849	15.939.926.044	1.264.528.490.264	110.593.427.602	350.534.330.407	10.489.813.450.651
Nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp (a)	-	-	-	-	(221.350.148.719)	-	-	-	-	(221.350.148.719)
Điều chuyển về vốn chủ sở hữu	117.061.813.711	-	489.260.687	-	(6.957.646.796)	-	-	(110.593.427.602)	-	-
Khoản để lại doanh nghiệp do phát hành cổ phiếu	86.143.440.000	-	-	-	-	-	-	-	-	86.143.440.000
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	924.877.373.243	-	-	-	-	-	924.877.373.243
Trích đầu tư phát triển	-	-	-	-	78.815.363.818	-	(78.815.363.818)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(109.507.758.328)	-	-	(109.507.758.328)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(1.021.806.884.091)	-	14.411.422.651	(1.007.395.461.440)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	(28.502.437.615)	(28.502.437.615)
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	-	-	-	-	(74.444.898.826)	-	-	(74.444.898.826)
Xử lý tài chính khi chuyển thành công ty cổ phần	18.255.872.095	-	-	-	-	-	-	-	-	18.255.872.095
Phân loại lại	-	-	2.764.060.782	-	(2.764.060.782)	-	-	-	-	-
Điều chỉnh khác	14.542.592.000	-	-	-	213.861.626	-	-	-	-	14.756.453.626
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(1.098.488.973.504)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	-	336.443.315.443	10.092.645.884.687

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	10.699.695.770.000	6.014.917.945	18.876.854.562	(1.098.488.973.504)	134.210.488.996	15.939.926.044	(20.046.414.799)	336.443.315.443	10.092.645.884.687
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển	-	-	25.220.926.345	-	(25.220.926.345)	-	-	-	-
Phân bổ chênh lệch tỷ giá trong kỳ (Thuyết minh 20)	-	-	-	274.622.243.376	-	-	-	-	274.622.243.376
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	34.223.439.056	-	(34.223.439.056)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(13.895.116.858)	(5.655.742.642)	(19.550.859.500)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	399.674.790.695	14.813.312.543	414.488.103.238
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(10.255.063.500)	(10.255.063.500)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(71.672.601)	(15.529.635)	(22.403.389)	(109.605.625)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	10.699.695.770.000	6.014.917.945	44.097.780.907	(823.866.730.128)	143.213.001.707	15.868.253.443	331.494.290.347	335.323.418.455	10.751.840.702.676

(a) Các khoản phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và Phát triển doanh nghiệp là khoản chênh lệch phần vốn Nhà nước từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần tại ngày 1 tháng 10 năm 2018 theo quy định của Nghị định 126/2017/NĐ-CP và Thông tư số 40/2018/TT-BTC.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.069.969.577	10.699.695.770.000	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.069.969.577	10.699.695.770.000	1.069.969.577	10.699.695.770.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	1.069.969.577	10.699.695.770.000	1.069.969.577	10.699.695.770.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Biến động của vốn cổ phần/vốn góp trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Số dư đầu kỳ	10.699.695.770.000	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	(3.327.218.134)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	(94.925.424.397)
Số dư cuối kỳ	10.699.695.770.000	10.463.692.052.194

Chi tiết cổ đông tại ngày báo cáo như sau:

Vốn cổ phần	30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số lượng cổ phiếu phổ thông	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.061.355.233	99,19%
Người lao động	1.464.700	0,14%
Các cổ đông khác	7.149.644	0,67%
10.699.695.770.000	1.069.969.577	100,00%

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

	Thuyết minh	1/1/2019 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/6/2019 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(b)(ii)	1.098.488.973.504	-	(274.622.243.376)	823.866.730.128
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ		-	378.965.316.647	(378.965.316.647)	-
		1.098.488.973.504	378.965.316.647	(653.587.560.023)	823.866.730.128
	Thuyết minh	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/6/2018 VND
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản	3(b)(ii)	1.098.488.973.504	16.427.508.187	(188.243.596.347)	926.672.885.344
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ	3(b)(iii)	1.350.707.975.274	-	(254.014.513.871)	1.096.693.461.403
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ		-	697.274.604.774	(697.274.604.774)	-
		2.449.196.948.778	713.702.112.961	(1.139.532.714.992)	2.023.366.346.747

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Cổ tức

Việc phân phối lợi nhuận tuân theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	20.434.760.400	17.497.494.087
Từ hai đến năm năm	82.948.772.847	74.866.060.886
Sau năm năm	354.208.412.767	280.468.865.098
	<hr/>	<hr/>
	457.591.946.014	372.832.420.071

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê đất tại Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.
- Tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.
- Tiền thuê văn phòng tại số 60-66 đường Nguyễn Cơ Thạch, Khu đô thị Sala, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	19.636,58	458.102.690	28.223,67	653.373.165

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 396.417 triệu VND để xây dựng các công trình trong sáu tháng cuối năm 2019 (tại ngày 1/1/2019 là 1.553.121 triệu VND).

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	22.235.605.489.742	20.239.436.794.767
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	144.858.932.080	89.248.199.815
	<u>22.380.464.421.822</u>	<u>20.328.684.994.582</u>

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Giá vốn sản xuất điện	19.723.291.313.713	17.407.031.582.132
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	85.985.669.735	41.890.867.688
	<u>19.809.276.983.448</u>	<u>17.448.922.449.820</u>

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi	136.240.224.283	75.302.426.306
Cổ tức được chia	10.966.090.000	110.005.788.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	9.194.965.595	15.072.731.221
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	7.646.666.148	21.603.081.324
	<hr/>	<hr/>
	164.047.946.026	221.984.026.851
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.413.918.015.852	1.242.072.547.938
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	10.640.597.522	14.540.015.361
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại (Thuyết minh 20)	653.587.560.023	1.139.532.714.992
Chi phí tài chính khác	(8.923.033.460)	(26.425.931.130)
	<hr/>	<hr/>
	2.069.223.139.937	2.369.719.347.161
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	81.838.171.386	70.018.190.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.776.792.132	28.580.890.222
Chi phí khác	79.685.860.256	66.876.432.660
	<hr/>	<hr/>
	195.300.823.774	165.475.513.548
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.141.926.166.482	14.194.838.239.582
Chi phí nhân công	299.215.185.551	265.816.710.374
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.312.824.362.244	2.309.828.158.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	218.148.957.428	143.858.626.126
Chi phí sửa chữa lớn	675.011.455.113	393.577.910.861
Chi phí khác	357.518.083.342	306.549.041.013

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	94.208.844.266	96.296.060.986
Kỳ trước	411.041.602	-
	94.619.885.868	96.296.060.986
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	26.052.115.211	13.879.964.174
	120.672.001.079	110.176.025.160

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	535.160.104.317	552.140.295.715
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	107.032.020.863	122.166.402.543
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(17.194.292.125)	(33.739.501.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	117.901.888.154	7.439.380.966
Chi phí thuế TNDN năm trước	411.041.602	-
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	12.170.496.609	-
Sử dụng lỗ lũy kế	(72.900.716.631)	-
Ưu đãi thuế	(26.748.437.393)	(30.841.090.979)
Điều chỉnh khác	-	45.150.833.630
	120.672.001.079	110.176.025.160

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.069.969.577 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: không áp dụng), chi tiết như sau:

(a) Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi thuần thuộc về cổ đông phổ thông	399.674.790.695	Không áp dụng
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
	399.674.790.695	Không áp dụng

(*) Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	1.069.969.577	Không áp dụng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	50.135.933.748	52.466.412.502
Thanh toán gốc vay	24.239.431.918	26.126.109.351
Bù trừ gốc vay với nợ phải thu	2.254.558.800.602	2.191.863.628.178
Bù trừ lãi và phí vay với nợ phải thu	1.204.509.018.210	984.019.182.297
Thanh toán lãi vay	5.264.804.610	6.478.503.276
Lãi vay	1.224.677.283.736	1.041.597.752.158
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	9.525.000.000	24.765.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	25.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh		
Cổ tức được chia	-	63.016.948.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	22.235.605.489.742	20.239.436.794.767
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	1.936.314.488	7.559.312.590
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	7.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Cung cấp dịch vụ	291.144.000	-
Mua dịch vụ	-	8.531.570.370
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	11.586.028.142	1.206.111.375

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam Mua dịch vụ	333.348.403	208.092.744
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 Cung cấp dịch vụ	42.018.712.903	67.796.082.000
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 1 Cung cấp dịch vụ	29.517.543.550	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 Cổ tức được chia	-	18.723.840.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Mua dịch vụ	-	301.232.214
Hội đồng quản trị Thu nhập	859.122.757	727.322.369
Ban Tổng Giám đốc Thu nhập	2.487.029.305	1.740.463.746
Cán bộ cấp quản lý khác Thu nhập	374.400.000	657.067.787

Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Bù trừ gốc vay phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	2.254.558.800.602	2.165.737.518.827
Bù lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	1.204.509.018.210	984.019.182.297
Cổ tức được chia phải thu nhưng chưa thu được từ Công ty liên kết và Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	46.666.090.000	15.048.160.000
Xây dựng cơ bản dở dang chuyển từ/(sang) hàng tồn kho	29.092.488.319	(261.302.670.160)
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	121.540.842.227

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo
 Trưởng Ban Tài chính – Kế toán

Người đại diện Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Phó Tổng Giám đốc